

Quận 6, ngày 05 tháng 6 năm 2024

**CÔNG KHAI
CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

**I. DUY TRÌ SĨ SỐ:
2021-2022:**

LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH		SO VỚI ĐẦU NĂM	
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM	TĂNG	GIẢM
1	5	198	196	0	02
2	5	189	187	0	02
3	5	204	203	0	01
4	6	266	266	0	0
5	5	187	185	0	02
CỘNG	26	1044	1037	0	07

Phân tích số liệu, nguyên nhân:

Tổng số tăng: 0 em, tỷ lệ: 0%

Tổng số giảm 07 em, tỷ lệ: 6,7 %, trong đó:

* Giảm hợp lệ: 07 em, tỷ lệ: 6,7 % (07 em chuyển trường)

* Giảm không hợp lệ: 0 em, tỷ lệ: 0%.

2022-2023:

LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH		SO VỚI ĐẦU NĂM	
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM	TĂNG	GIẢM
1	5	205	199	0	6
2	5	195	194	1	2
3	5	184	181	1	3
4	5	200	198	0	3
5	6	258	256	0	2
CỘNG	26	1042	1028	2	16

Phân tích số liệu, nguyên nhân:

Tổng số tăng: 02 em, tỷ lệ: 1,05%

Tổng số giảm 16 em, tỷ lệ: 6,36 %, trong đó:

* Giảm hợp lệ: 16 em, tỷ lệ: 6,36 % (08 em chuyển trường, 07 em chuyển chỗ ở, 01 em bệnh)

* Giảm không hợp lệ: 0 em, tỷ lệ: 0%.

2023-2024:

LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH		SO VỚI ĐẦU NĂM	
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM	TĂNG	GIẢM
1	5	192	192	1	1
2	6	198	195	4	9
3	5	191	188	4	11
4	5	182	179	3	6
5	5	202	203	8	1
CỘNG	26	965	957	20	28

Phân tích số liệu, nguyên nhân:

Tổng số tăng: 20 em, tỷ lệ: 2,1%

Tổng số giảm 28 em, tỷ lệ: 2,9 %, trong đó:

* Giảm hợp lệ: 28 em, tỷ lệ: 2,9 % (26 em chuyển trường, 02 em xuất cảnh).

* Giảm không hợp lệ: 0 em, tỷ lệ: 0%.

II. CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO:

2021-2022:

NỘI DUNG		Số lượng	Tỉ lệ %
Duy trì sĩ số:	+ Đầu năm	1049	100%
	+ Cuối năm	1037	100%
	Tăng	6	0,57%
	Giảm	18	1,73%
	(Bao nhiêu trường hợp hợp lệ)	18	1,73%
Hoàn thành chương trình lớp học	Khối lớp 1	195/196	99,49%
	Kiểm tra lại	01	0,51%
	Khối lớp 2	187/187	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
	Khối lớp 3	203/203	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
	Khối lớp 4	266/266	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
Hoàn thành chương trình tiểu học	Khối lớp 5	185/185	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
Khen thưởng	Khối lớp 1	140	71,4%
	Khối lớp 2	124	66,3%
	Khối lớp 3	179	88,2%
	Khối lớp 4	236	88,7%
	Khối lớp 5	152	82,2%
	Tổng	831	80,1%
Hiệu suất đào tạo 1 năm		1037/1037	100%

Hiệu suất đào tạo 5 năm		185/185	100%
Học sinh kiểm tra lại	1	1	0,1%

2022-2023:

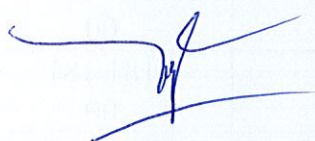
NỘI DUNG		Số lượng	Tỉ lệ %
Duy trì sĩ số:	+ Đầu năm	1042	100%
	+ Cuối năm	1028	100%
	Tăng	2	0,2%
	Giảm	16	1,53%
	(Bao nhiêu trường hợp hợp lệ)	18	100%
Hoàn thành chương trình lớp học	Khối lớp 1	199/199	100%
	Kiểm tra lại	00	00%%
	Khối lớp 2	194/194	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
	Khối lớp 3	181/181	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
Hoàn thành chương trình tiểu học	Khối lớp 4	198/198	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
Khen thưởng	Khối lớp 5	256/256	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
	Khối lớp 1	138	69,3%
	Khối lớp 2	133	68,5%
	Khối lớp 3	86	47,5%
	Khối lớp 4	165	83,3%
	Khối lớp 5	205	80,1%
	Tổng	727	70,7%
Hiệu suất đào tạo 1 năm		1028/1028	100%
Hiệu suất đào tạo 5 năm		256/256	100%
Học sinh kiểm tra lại	0	0	0%

2023-2024:

NỘI DUNG		Số lượng	Tỉ lệ %
Duy trì sĩ số:	+ Đầu năm	965	100%
	+ Cuối năm	957	100%
	Tăng	2	0,2%
	Giảm	16	1,53%
	(Bao nhiêu trường hợp hợp lệ)	18	100%
Hoàn thành chương trình lớp học	Khối lớp 1	192/192	100%
	Kiểm tra lại	00	00%%
	Khối lớp 2	195/195	100%
	Kiểm tra lại	00	00%
	Khối lớp 3	188/188	100%
	Kiểm tra lại	00	00%

	Khối lớp 4 Kiểm tra lại	179/179 00	100% 00%
Hoàn thành chương trình tiểu học	Khối lớp 5 Kiểm tra lại	203/203 00	100% 00%
Khen thưởng	Khối lớp 1	154	80,2%
	Khối lớp 2	152	77,9%
	Khối lớp 3	132	70,2%
	Khối lớp 4	118	65,9%
	Khối lớp 5	158	77,8%
	Tổng	714	74,6%
Hiệu suất đào tạo 1 năm		957/957	100%
Hiệu suất đào tạo 5 năm		203/203	100%
Học sinh kiểm tra lại	0	0	0%

Người lập biểu



Nguyễn Phát Quỳnh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Đức